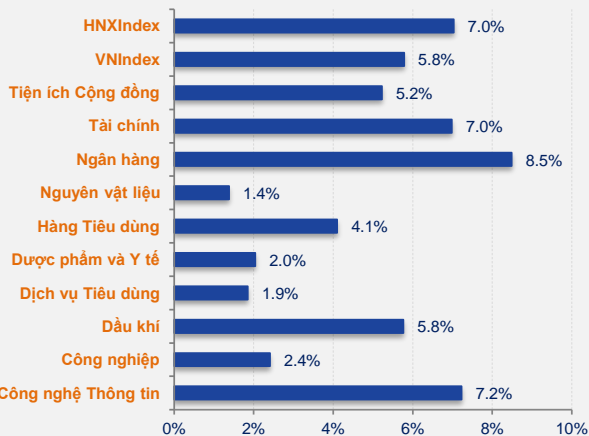
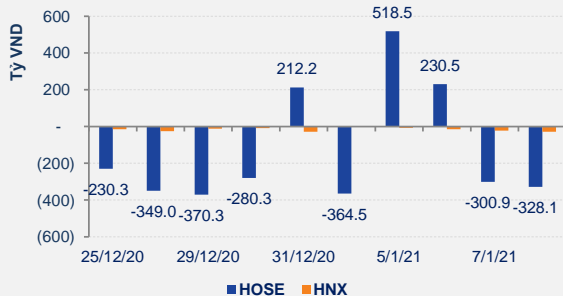


WEEKLY WRAP

Tuần GD từ: 4/1/2021 - 8/1/2021

Index Tuần	HOSE	+/-	HNX	+/-
Thống kê thị trường				
Index	1,167.69 ↑	5.8%	217.40 ↑	7.0%
KLGD (trCP)	3,887.49 ↑	49.1%	760.70 ↑	31.3%
GTGD (tỷ VND)	85,236.98 ↑	59.9%	10,902.45 ↑	51.1%
Tổng cung (trCP)	7,288.17 ↑	32.6%	960.82 ↑	47.6%
Tổng cầu (trCP)	7,038.77 ↑	45.5%	946.37 ↑	46.9%
Giao dịch NĐT nước ngoài				
KL mua (trCP)	200.21 ↑	105.5%	2.58 ↓	-9.7%
KL bán (trCP)	202.30 ↑	90.6%	6.42 ↓	-30.9%
GT mua (tỷ VND)	6,909.15 ↑	142.1%	42.96 ↑	3.9%
GT bán (tỷ VND)	7,153.66 ↑	96.5%	114.90 ↓	-0.9%

Biến động giá Ngành theo Tuần

Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Tuần giao dịch đầu tiên của năm 2021, thị trường chứng khoán Việt Nam tăng điểm rất mạnh (>5%) và hiện đã tiếp cận với những ngưỡng kháng cự mạnh hơn. VN-Index tăng 63,82 điểm (+5,8%) lên 1.167,69 điểm; HNX-Index tăng 14,28 điểm (+7%) lên 217,4 điểm. Thanh khoản trên hai sàn tiếp tục gia tăng và lập kỷ lục mới với khoảng hơn 19.200 tỷ đồng giao dịch mỗi phiên trên hai sàn. Giá trị giao dịch trên HOSE tăng 59,9% lên 85.237 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch tăng 49,1% lên 3.887 triệu cổ phiếu; giá trị giao dịch trên HNX tăng 51,1% lên 10.902 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch tăng 31,1% lên 761 triệu cổ phiếu. Nhóm cổ phiếu ngân hàng tăng mạnh nhất với 8,5% giá trị vốn hóa, với các đại diện trong nhóm như VCB (+7%), BID (+1,3%), CTG (+12%), VPB (+9,4%), TCB (+13,3%), MBB (+15,7%), ACB (+7,5%), SHB (+12,4%)... đây là động lực chính kéo thị trường tăng mạnh. Tiếp theo là nhóm công nghệ thông tin với mức tăng 7,2% với các đại diện là FPT (+7,1%), CMG (+0,3%)... Tiếp theo là nhóm tài chính với mức tăng 7% với các cổ phiếu trong ngành bất động sản như VIC (+3,3%), VHM (+7,7%), NVL (+14,7%)... và các cổ phiếu thuộc nhóm chứng khoán như SSI (+3,2%), HCM (+3,8%), VCI (+3,8%), SHS (+6,8%)... cũng là một động lực dẫn dắt thị trường chung. Các nhóm ngành còn lại đều có mức tăng tốt với tiện ích cộng đồng (+5,2%), nguyên vật liệu (+1,4%), hàng tiêu dùng (+4,1%), dược phẩm và y tế (+2%), dịch vụ tiêu dùng (+1,9%), dầu khí (+5,8%), công nghiệp (+2,4%)...

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Thị trường lập kỷ lục mới từ năm 2007 đến nay với chuỗi 10 tuần tăng điểm liên tiếp và với mức tăng hơn 26% giá trị vốn hóa của toàn sàn HOSE. Bên cạnh đó, thanh khoản tính cả khớp lệnh và thỏa thuận cũng lập kỷ lục từ trước đến nay với gần 3,9 tỷ cổ phiếu trao tay, giá trị ước đạt hơn 85.000 tỷ đồng. Hệ thống đã nâng lỗ tối thiểu lên 100 cổ phiếu trong tuần này, nhưng sự chênh lệch vẫn xảy ra vào phiên chiều trong 4 phiên cuối tuần. Sự hưng phấn tột độ cũng được thể hiện trên thị trường phái sinh, khi hợp đồng tương lai tháng gần nhất (VN30F1M) cao hơn VN30 tận 28,74 điểm, cao nhất kể từ tháng 12/2017. Trong tuần tiếp theo (11/1-15/1), các nhịp rung lắc có thể xảy ra thường xuyên hơn khi mà nhà đầu tư quyết định chốt lời dần trong bối cảnh VN-Index dần tiệm cận với đỉnh thời đại quanh 1.211 điểm (đỉnh tháng 4/2018). Nhà đầu tư nên tiếp tục cơ cấu danh mục theo hướng bán các cổ phiếu có dấu hiệu thoái trào, có thể giữ lại để bán với giá cao hơn với các cổ phiếu đang có đà tăng tốt hoặc chốt lãi các cổ phiếu đã tới vùng giá mục tiêu nhằm bảo vệ lợi nhuận đã đạt được và chờ đợi thị trường điều chỉnh về các vùng giá hấp dẫn hơn để tham gia trở lại. Các ngưỡng hỗ trợ cần lưu ý lần lượt 1.100 điểm (MA20), 1.030 điểm (MA50).



WEEKLY WRAP

Tuần GD từ: 4/1/2021 - 8/1/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tiếp tục tăng điểm trong tuần thứ mười liên tiếp với cả năm phiên chỉ số đều tăng trưởng. Mức cao nhất và thấp nhất trong tuần lần lượt tại 1.176,33 điểm và 1.113,59 điểm. Kết tuần, VN-Index tăng 63,82 điểm (+5,8%) lên 1.167,69 điểm.

DTA là cổ phiếu tăng giá mạnh nhất tuần với mức tăng 39% từ 4.670 đồng lên 6.510 đồng, tiếp theo là FTM với mức tăng 38% từ 1.420 đồng lên 1.960 đồng. Ở chiều ngược lại, CCI là cổ phiếu giảm mạnh nhất tuần với mức giảm 13% từ 18.550 đồng xuống 16.100 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tiếp tục tăng điểm trong tuần thứ mười liên tiếp với cả năm phiên chỉ số đều tăng điểm. Mức cao nhất và thấp nhất trong tuần lần lượt tại 218,118 điểm và 200,459 điểm. Kết tuần, HNX-Index tăng 14,28 điểm (+7%) lên 217,4 điểm.

LUT là cổ phiếu tăng giá ấn tượng nhất tuần với mức tăng 57% từ 6.100 đồng lên 9.600 đồng, tiếp theo là BII với mức tăng 53% từ 3.600 đồng lên 5.500 đồng. Ở chiều ngược lại, HHC là cổ phiếu có mức giảm mạnh nhất tuần với 22% từ 103.000 đồng xuống 80.600 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 241,97 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 1,02 triệu đơn vị. Xét theo khối lượng ròng, mã bị bán ròng nhiều nhất là BSI với 6,5 triệu cổ phiếu, tiếp theo là KBC với 4,9 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VRE là mã được mua ròng nhiều nhất với 9 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 71,95 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 3,83 triệu cổ phiếu. Xét theo khối lượng ròng, BVS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 1,4 triệu cổ phiếu, tiếp theo là APS với 1 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, KLF là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 258,6 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index



VN-Index có tuần tăng điểm thứ mười liên tiếp, qua đó lập kỷ lục mới về số tuần tăng liên tiếp trong giai đoạn từ năm 2007 đến nay, với mức tăng trong 10 tuần này đạt 26% giá trị vốn hóa toàn sàn HOSE.

Thanh khoản trong tuần qua tăng đều sau từng phiên và khá đồng đều nhau do hệ thống cứ về phiên chiều là nghỉ lệnh và chỉ có thể đạt đến một mức nhất định. Khối lượng khớp lệnh trong cả tuần đạt 3,6 tỷ cổ phiếu.

Các đường trung bình động tiếp tục xu hướng đi lên với thứ tự lần lượt 1.100 điểm (MA20), 1.030 điểm (MA50), 900 điểm (MA200) cho thấy xu hướng thị trường vẫn là tích cực trong ngắn, trung và dài hạn với các ngưỡng hỗ trợ ở ngay dưới.

Sau khi vượt qua được ngưỡng 1.130 điểm (đỉnh tháng 2/2018) thì trên khía cạnh kỹ thuật, ngưỡng kháng cự cần chú ý tiếp theo sẽ là quanh ngưỡng 1.187 điểm (đỉnh tháng 3/2018).

Trong tuần tiếp theo (11/1-15/1), các nhịp rung lắc có thể xảy ra thường xuyên hơn khi mà nhà đầu tư quyết định chốt lời dần trong bối cảnh VN-Index dần tiệm cận với đỉnh thời đại quanh 1.211 điểm (đỉnh tháng 4/2018). Tuy nhiên, trong điều kiện hiện tại, thì nhịp giảm sắp tới khi xảy ra sẽ là cơ hội để các nhà đầu tư tích lũy thêm cổ phiếu với các ngưỡng hỗ trợ cần lưu ý lần lượt 1.100 điểm (MA20) và 1.030 điểm (MA50).

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

ICAEW: Việt Nam sẽ tăng trưởng 8% năm 2021, dẫn đầu khu vực trong phục hồi kinh tế

Theo Báo cáo Triển vọng kinh tế mới nhất từ Viện Kế toán Công chứng Anh và xứ Wales (ICAEW), Việt Nam và Singapore là hai quốc gia kiểm soát thành công đại dịch đã vươn lên dẫn đầu tại khu vực Đông Nam Á về phục hồi kinh tế. Trong đó, Việt Nam được dự đoán là nền kinh tế duy nhất ghi nhận mức tăng trưởng dương trong năm 2020 ở mức 2,3% và 8% vào năm 2021.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước giảm

Tại thời điểm 16 giờ, vàng SJC tại DOJI được niêm yết ở mức 55,8 - 56,35 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra), giảm 350.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 450.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.

Tỷ giá trung tâm tăng 4 đồng

Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 8/1 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.121 VND/USD, tăng 4 đồng so với hôm qua.

TIN THẾ GIỚI

Giá vàng thế giới giảm

Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 22 USD/ounce tương ứng với 1,15% xuống 1.891,7 USD/ounce.

Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng

Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,226 điểm tương ứng 0,25% lên 90,017 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,2225 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3577 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 103,93 JPY.

Giá dầu thế giới tăng

Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,25 USD/thùng tương ứng với 0,49% lên mức 51,06 USD/thùng.

Chứng khoán Mỹ tăng điểm

Kết thúc phiên giao dịch ngày 7/1, chỉ số Dow Jones tăng 211,73 điểm tương ứng 0,69% lên 31.041,13 điểm; chỉ số Nasdaq tăng 326,69 điểm tương ứng 2,56% lên 13.067,48 điểm; chỉ số S&P 500 tăng 55,65 điểm tương ứng 1,48% lên 3.803,79 điểm.

HOSE
Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VRE	8,982,700	BSI	(6,497,380)
2	FUEVFVND	8,911,400	KBC	(4,893,110)
3	FUESSVFL	3,504,480	VND	(4,740,140)
4	HDB	3,455,160	FCN	(3,650,120)
5	MBB	3,363,880	SSI	(3,446,990)

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	KLF	258,600	BVS	(1,426,100)
2	MBS	78,700	APS	(1,029,200)
3	DST	55,000	SHS	(585,490)
4	SD5	48,900	PPS	(220,400)
5	NVB	41,400	ART	(191,000)

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
STB	16.90	19.40	↑ 14.79%	17,971,510
MBB	23.00	26.60	↑ 15.65%	14,612,450
ITA	7.00	7.89	↑ 12.71%	11,335,700
HNG	14.55	16.95	↑ 16.49%	10,363,208
HPG	41.45	42.75	↑ 3.14%	10,228,071

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	17.00	19.10	↑ 12.35%	164,147,926
PVS	17.80	20.50	↑ 15.17%	60,589,990
HUT	4.20	4.60	↑ 9.52%	48,859,699
NVB	10.00	11.30	↑ 13.00%	46,871,906
KLF	2.30	2.50	↑ 8.70%	34,994,609

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DTA	4.67	6.51	1.8	↑ 39.40%
FTM	1.42	1.96	0.5	↑ 38.03%
VDS	10.70	14.70	4.0	↑ 37.38%
BSI	12.45	16.80	4.4	↑ 34.94%
AGR	8.60	11.55	3.0	↑ 34.30%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LUT	6.10	9.60	3.5	↑ 57.38%
BII	3.60	5.50	1.9	↑ 52.78%
VC7	6.60	10.00	3.4	↑ 51.52%
LCS	2.00	3.00	1.0	↑ 50.00%
KTT	3.70	5.30	1.6	↑ 43.24%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CCI	18.55	16.10	-2.5	↓ -13.21%
HOT	35.05	30.50	-4.6	↓ -12.98%
TDH	10.15	8.90	-1.3	↓ -12.32%
VNG	16.50	14.90	-1.6	↓ -9.70%
GTA	13.50	12.20	-1.3	↓ -9.63%

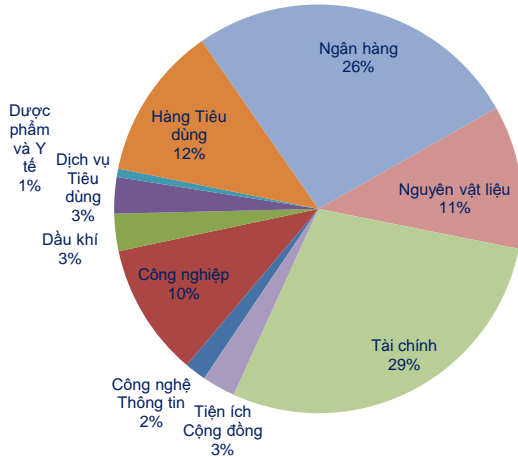
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HHC	103.00	80.60	-22.4	↓ -21.75%
CAG	85.90	69.50	-16.4	↓ -19.09%
HCT	13.50	11.00	-2.5	↓ -18.52%
PVL	1.90	1.60	-0.3	↓ -15.79%
L35	6.50	5.50	-1.0	↓ -15.38%

(*) Giá điều chỉnh

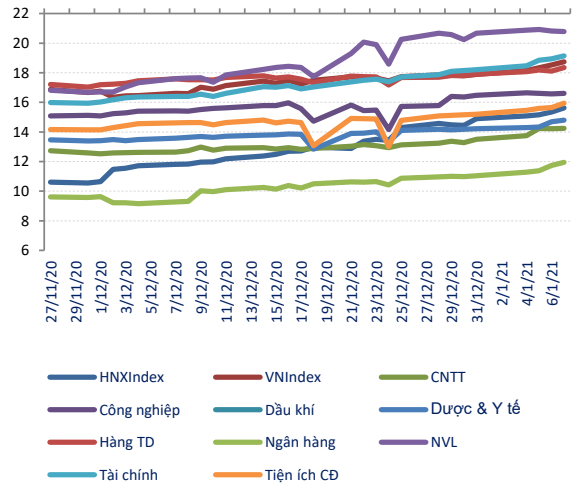


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TUẦN VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

■ Giá trị giao dịch tuần theo Ngành



■ Chuỗi PE ngành và thị trường



■ Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	17,971,510	8.6%	1,318	14.7	1.2
MBB	14,612,450	18.4%	2,994	8.9	1.5
ITA	11,335,700	1.9%	216	36.5	0.7
HNG	10,363,208	-10.0%	-833	-	2.2
HPG	10,228,071	20.9%	3,235	13.2	2.6

■ Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	164,147,926	12.9%	1,702	11.2	1.4
PVS	60,589,990	5.1%	1,373	14.9	0.7
HUT	48,859,699	-1.7%	-205	-	0.4
NVB	46,871,906	1.1%	111	101.5	1.1
KLF	34,994,609	-0.1%	-14	-	0.2

■ Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DTA	↑ 39.4%	-1.0%	-105	-	0.6
FTM	↑ 38.0%	-49.0%	-4,050	-	0.3
VDS	↑ 37.4%	4.8%	503	29.2	1.3
BSI	↑ 34.9%	7.2%	822	20.4	1.4
AGR	↑ 34.3%	5.2%	484	23.9	1.2

■ Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
LUT	↑ 57.4%	0.1%	10	925.4	0.8
BII	↑ 52.8%	-17.1%	-1,683	-	0.7
VC7	↑ 51.5%	5.0%	515	19.4	1.0
LCS	↑ 50.0%	-13.5%	-1,422	-	0.3
KTT	↑ 43.2%	6.8%	755	7.0	0.5

■ Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VRE	8,982,700	8.3%	1,002	35.4	2.8
FUEVFNLC	8,911,400	N/A	N/A	N/A	N/A
FUESSVFL	3,504,480	N/A	N/A	N/A	N/A
HDB	3,455,160	19.5%	2,700	10.0	1.8
MBB	3,363,880	18.4%	2,994	8.9	1.5

■ Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
KLF	258,600	-0.1%	-14	-	0.2
MBS	78,700	12.2%	1,494	14.1	1.8
DST	55,000	2.5%	232	12.5	0.3
SD5	48,900	5.4%	981	9.0	0.5
NVB	41,400	1.1%	111	101.5	1.1

■ Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	388,690	19.4%	4,631	22.6	4.2
VIC	378,156	7.0%	2,509	44.6	3.0
VHM	317,109	30.6%	6,762	14.3	4.0
VNM	234,040	35.3%	5,320	21.1	7.4
BID	195,068	10.7%	2,133	22.7	2.4

■ Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	42,945	13.5%	243	505.3	11.8
SHB	33,527	12.9%	1,702	11.2	1.4
VCS	13,502	39.0%	8,573	10.1	3.6
IDC	12,270	7.1%	1,010	40.5	2.8
PVS	9,798	5.1%	1,373	14.9	0.7



Ngày thông báo	Ngày thực hiện	Ngày ĐKCC	Ngày GDKHQ	Mã CK	Loại sự kiện
16/12/2020	8/1/2021	21/12/2020	18/12/2020	DSC	Đại hội Cổ đông Bất thường
15/12/2020	8/1/2021	22/12/2020	21/12/2020	VCB	Trả cổ tức bằng tiền mặt
30/12/2020	8/1/2021	8/1/2021	8/1/2021	AIC	Niêm yết mới
30/12/2020	8/1/2021	8/1/2021	8/1/2021	VIX	Chuyển Sàn
31/12/2020	8/1/2021	0/1/1900	8/1/2021	PPY	Phát hành cổ phiếu
31/12/2020	8/1/2021	8/1/2021	8/1/2021	NVL	Niêm yết thêm
4/1/2021	8/1/2021	8/1/2021	8/1/2021	LPB	Niêm yết thêm
4/1/2021	8/1/2021	8/1/2021	8/1/2021	TDF	Niêm yết thêm
4/1/2021	8/1/2021	8/1/2021	8/1/2021	VPR	Niêm yết thêm
2/12/2020	11/1/2021	11/12/2020	10/12/2020	BNA	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8/12/2020	11/1/2021	15/12/2020	14/12/2020	DGC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14/12/2020	11/1/2021	28/12/2020	25/12/2020	GLT	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15/12/2020	11/1/2021	25/12/2020	24/12/2020	CMD	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17/12/2020	11/1/2021	25/12/2020	24/12/2020	MDN	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22/12/2020	11/1/2021	25/12/2020	24/12/2020	HND	Trả cổ tức bằng tiền mặt
30/12/2020	11/1/2021	8/1/2021	8/1/2021	PC1	Niêm yết thêm
4/1/2021	11/1/2021	8/1/2021	8/1/2021	NVL	Niêm yết thêm
5/1/2021	11/1/2021	12/1/2021	11/1/2021	AMV	Phát hành cổ phiếu
5/1/2021	11/1/2021	8/1/2021	8/1/2021	CTR	Niêm yết thêm
6/1/2021	11/1/2021	12/1/2021	11/1/2021	SDG	Phát hành cổ phiếu
10/12/2020	12/1/2021	21/12/2020	18/12/2020	PPC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24/12/2020	13/1/2021	31/12/2020	30/12/2020	THG	Trả cổ tức bằng tiền mặt
29/12/2020	13/1/2021	31/12/2020	30/12/2020	TPS	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6/1/2021	13/1/2021	8/1/2021	8/1/2021	TCB	Niêm yết thêm
19/2/2020	14/1/2021	8/1/2021	8/1/2021	GMC	Niêm yết thêm
25/12/2020	14/1/2021	25/11/2020	24/11/2020	TIX	Đại hội Đồng Cổ đông
9/12/2020	14/1/2021	31/12/2020	30/12/2020	BCF	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5/1/2021	14/1/2021	8/1/2021	8/1/2021	D2D	Niêm yết thêm
2/12/2020	15/1/2021	18/12/2020	17/12/2020	TRC	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9/12/2020	15/1/2021	30/12/2020	29/12/2020	NTH	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

TRỤ SỞ:

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

CHI NHÁNH TP.HCM

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
